

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-ST

Ngày: 24/6/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế A.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Lan N

2. Bà Trần Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường T – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2020/TLST-DS ngày 03/8/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST - DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Quang L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh L. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Dương Duy T, sinh năm 1978. Bà Bé Thị B, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện L, L.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị N, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Quang L trình bày:

Vào đầu năm 2020, vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B có vay của ông nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20/2/2020, vay số tiền 300.000.000đ thỏa thuận thời hạn trả nợ là 30 ngày, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, mục đích vay tiền để làm ăn.

Lần 2: Ngày 03/4/2020, vay số tiền 250.000.000đ thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 tháng sẽ trả, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, mục đích vay để làm ăn.

Lần 3: Ngày 07/5/2020, vay số tiền 20.000.000đ thỏa thuận thời hạn trả nợ là 10 ngày, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, mục đích vay để làm ăn.

Lần 4: Ngày 12/5/2020, vay số tiền 200.000.000đ thỏa thuận thời hạn trả nợ là 05 ngày, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, mục đích vay để làm ăn.

Các lần cho vợ chồng ông Thập, bà Bưởi vay tiền thì đều do ông là trực tiếp giao tiền cho vợ chồng ông Thập, bà Bưởi. Vợ chồng ông Thập, bà Bưởi tự tay ký và viết họ tên vào giấy mượn tiền, hợp đồng vay tiền của ông.

Quá trình vay tiền vợ chồng ông Thập, bà Bưởi có trả tiền cho ông các lần cụ thể như sau:

Ngày 27/5/2020, vợ chồng ông Thập, bà Bưởi trả số tiền là 50.000.000đ;

Ngày 29/5/2020, vợ chồng ông Thập, bà Bưởi trả số tiền là 50.000.000đ;

Ngày 08/6/2020, vợ chồng ông Thập, bà Bưởi trả tiếp số tiền là 100.000.000đ. Số tiền này trừ vào khoản vay 250.000.000đ ngày 03/4/2020, còn nợ lại số tiền là 50.000.000đ.

Như vậy, tổng cộng vợ chồng ông Thập, bà Bưởi còn nợ lại ông số tiền gốc là 570.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận, mặc dù ông đã đòi nhiều lần nhưng không được.

Nay ông Lưu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải trả cho ông số tiền gốc 570.000.000đ tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay tiền đến ngày giải quyết xong vụ án.

Tuy nhiên, đến ngày 07/4/2021, ông Lưu có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn vợ chồng ông Thập, bà Bưởi cụ thể:

Ông rút yêu cầu khởi kiện đối với các khoản vay vào ngày 07/5/2020 số tiền vay 20.000.000đ, với lý do là giấy vay tiền này do ông đã làm mất thất lạc bản chính và đồng thời ông Lưu xác định không cần đối với khoản tiền 2.500.000đ và 11.250.000đ viết trên hợp đồng giấy vay tiền ngày 03/4/2020 do không có xác nhận của vợ chồng ông Thập, bà Bưởi. Nay ông chỉ yêu cầu vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải trả cho ông số tiền ngày 20/2/2020 là 300.000.000đ; khoản vay ngày 03/4/2020 còn lại là 50.000.000đ và khoản vay ngày 12/5/2020 là 200.000.000đ. Tổng cộng ông yêu cầu vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải trả cho ông số tiền gốc là 550.000.000đ và tiền lãi suất theo mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 12/5/2020 đến ngày giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng vợ chồng ông Thập, bà Bưởi vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vợ chồng ông Thập, bà Bưởi không đến tòa án làm việc, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mà không có lý do, mặc dù

Tòa án đã triệu tập họp lệ là chưa thực hiện đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Quang L; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu đối với số tiền 20.000.000đ vay ngày 07/5/2020.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, vợ chồng ông Thập, bà Bưởi vắng mặt đến lần thứ 02 mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ; Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn vợ chồng ông Thập, bà Bưởi là phù hợp.

[2] Ông Đặng Quang L khởi kiện Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B phải trả cho ông Lưu số tiền gốc là 550.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Đặng Quang L với bị đơn vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về nội dung:

3.1 Đối với yêu cầu trả nợ gốc:

Ông Lưu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải trả số tiền gốc là 550.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 20/2/2020, vay số tiền 300.000.000đ; ngày 03/4/2020, vay số tiền 250.000.000đ đã trả được 200.000.000đ, còn nợ lại 50.000.000đ; ngày 07/5/2020, vay số tiền 20.000.000đ; ngày 12/5/2020, vay số tiền 200.000.000đ là có căn cứ, bởi lẽ:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông Thập, bà Bưởi tại Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu An để trung cầu giám định chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông Thập, bà Bưởi trong các giấy mượn tiền ngày 20/02/2020, hợp đồng vay tiền ngày 03/4/2020, hợp đồng vay tiền ngày 12/5/2020. Tại kết luận giám định số 211/GĐ-PC09 ngày 25/3/2020 đã kết luận: “*Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Dương Duy T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Dương Duy T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra*”; “*Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Bé Thị B trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ*

ký, chữ viết ghi họ tên Bé Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra”.

Do vậy cần buộc vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải trả cho ông Lưu số tiền gốc là 550.000.000đ.

3.2 Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Ông Lưu yêu cầu vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc là 550.000.000đ tính từ ngày 12/5/2020 đến ngày 24/6/2021 theo mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Về thời điểm ông Lưu yêu cầu tính lãi suất chậm trả bắt đầu từ ngày 12/5/2020 là phù hợp, bởi lẽ, ngày 12/5/2020 là ngày cuối cùng ông Lưu cho vợ chồng ông Thập, bà Bưởi vay tiền. Tính đến thời điểm này, vợ chồng ông Thập, bà Bưởi đã vay tổng cộng số tiền gốc là 550.000.000đ.

Về mức lãi suất, ông Lưu yêu cầu là 1,66% tháng là không phù hợp bởi trong giấy mượn tiền ngày 20/02/2020, hợp đồng vay tiền ngày 03/4/2020, hợp đồng vay tiền ngày 12/5/2020 mà ông Lưu xuất trình cho Tòa án đều không thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất, ông Lưu cho rằng: Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng nhưng vợ chồng ông Thập, bà Bưởi vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai thừa nhận; ông Lưu cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc này.

Mặt khác, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”.*

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Do vậy, cần áp dụng mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) đối với số tiền gốc là 550.000.000đ, tính từ ngày 12/5/2020 đến ngày 24/6/2021 là hoàn toàn phù hợp. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

$$550.000.000\text{đ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 122.341.996\text{đ}.$$

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lưu có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải trả số tiền vay ngày 07/5/2020 là 20.000.000đ với lý do là giấy vay tiền này do ông đã làm mất thất lạc bản chính và đồng thời ông Lưu không yêu cầu đối với khoản tiền 2.500.000đ và 11.250.000đ ghi trên hợp đồng giấy vay tiền ngày 03/4/2020 do không có xác nhận của vợ chồng ông Thập, bà Bưởi và tại phiên tòa hôm nay, ông Lưu vẫn giữ nguyên ý kiến này. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu là hoàn toàn phù hợp.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, cần buộc vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải trả cho ông Lưu số tiền gốc là 550.000.000đ, tiền lãi chậm trả là 122.341.996đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 672.341.996đ.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Ông Lưu đã nộp 5.680.000đ tiền chi giám định chữ ký, chữ viết, đã được quyết toán xong. Xét thấy việc giám định là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, do yêu cầu khởi kiện của ông Lưu được chấp nhận nên buộc vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.680.000đ. Do vậy, buộc vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải trả lại cho ông Lưu 5.680.000đ tiền chi phí giám định.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn vợ chồng ông Thập, bà Bưởi phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật là: $20.000.000đ + 4\% \cdot 272.341.996đ = 30.893.679đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 165; khoản 2 Điều 266 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463; Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đặng Quang L về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B.

Buộc vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B phải trả cho ông Đặng Quang L số tiền gốc là 550.000.000đ, số tiền lãi là 122.341.996đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 672.341.996đ (*sáu trăm bảy mươi hai triệu ba trăm bốn mươi một ngàn chín trăm chín mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quang L về việc yêu cầu vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B phải trả số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) vay ngày 07/5/2020.

3. *Về chi phí tố tụng*: Buộc vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bế Thị B phải trả cho ông Đặng Quang L 5.680.000đ (*năm triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*) tiền chi phí giám định.

4. *Về án phí*: Buộc bị đơn vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bế Thị B phải nộp 30.893.679đ (*ba mươi triệu tám trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi chín đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đặng Quang L 13.780.000đ (*mười ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007602 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế A